

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 năm 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật số 48/2014/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 11448/TTr-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2019 và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 số 11449/BC-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Đối tượng, phạm vi ranh giới quy hoạch

Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là quy hoạch ngành quốc gia, bao gồm kết cấu hạ tầng đường thủy được quy định theo Luật Đường thủy nội địa; cảng, bến thủy nội địa; kè, đập giao thông và các công trình phụ trợ khác.

Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch là toàn bộ ranh giới quốc gia thuộc chủ quyền của Việt Nam, có xét đến kết nối quốc tế.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch

Đề xuất các quan điểm cho phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến 2050, trong đó có các quan điểm chủ yếu sau:

- Quan điểm về phát triển phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phù hợp với điều kiện tự nhiên, phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

- Quan điểm về vị trí, vai trò và khả năng đảm nhận vận tải hàng hóa và hành khách, chất lượng dịch vụ vận tải của đường thủy nội địa trong tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải

- Đảm bảo sự tham gia của các thành phần kinh tế trong phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quan điểm về huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quan điểm về phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.

b) Mục tiêu lập quy hoạch

- Đánh giá hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và tình hình triển khai các quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa giai đoạn 2010 - 2019;

- Xây dựng được các kịch bản và xác định nhu cầu vận tải đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, có xét đến năm 2050 trong mối tương quan với các phương thức vận tải khác;

- Đề xuất phương án quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo từng thời kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và hạn chế ô nhiễm môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Đề xuất các giải pháp cơ chế, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cùng các phương án tổ chức thực hiện quy hoạch;

- Đánh giá tác động có thể xảy ra đối với môi trường trong thời kỳ quy hoạch và đề xuất các giải pháp ứng phó, giảm thiểu

c) Nguyên tắc lập Quy hoạch

- Tuân thủ theo quy định của Luật Quy hoạch, các nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch, các quy định của pháp luật có liên quan.

- Kế thừa có chọn lọc trên cơ sở các định hướng, kết quả đã triển khai của các quy hoạch lĩnh vực đường thủy nội địa và quy hoạch ngành giao thông vận tải trong giai đoạn trước, đồng thời đảm bảo phát huy những lợi thế, kết quả đã đạt được ở các giai đoạn trước.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các quy hoạch chuyên ngành giao thông vận tải và các quy hoạch khác nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng - an ninh; bảo vệ môi trường.

- Xây dựng phương án quy hoạch và phân kỳ đầu tư các dự án trong quy hoạch phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực từng thời kỳ.

3. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

a) Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng về phân bố, sử dụng không gian của kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Đánh giá về sự liên kết ngành, liên kết vùng trong việc phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong nước và quốc tế.

- Đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ;

- Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

d) Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong kỳ quy hoạch; những cơ hội và thách thức.

- Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành đường thủy nội địa, gồm nhu cầu vận tải, phương thức vận tải, ứng dụng công nghệ và phương tiện mới trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

- Phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong thời kỳ quy hoạch.



- Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

đ) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

e) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, xác định quy mô, mạng lưới tuyến, cảng, bến, định hướng kết nối tới các lĩnh vực GTVT khác, đến các đầu mối giao thông quan trọng (cảng hàng không, ga đường sắt, cảng biển...);

- Xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ gắn với phân cấp, phân loại theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các tuyến đường thủy nội địa, cảng thủy nội địa quan trọng trong kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong nước và quốc tế, kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi, hệ thống du lịch và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác;

- Giải pháp về quản lý khai thác và bảo đảm an toàn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trước rủi ro thiên tai và bồi cảnh biến đổi khí hậu.

g) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành và thứ tự ưu tiên thực hiện:

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong thời kỳ quy hoạch.

- Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành trong thời kỳ quy hoạch, dự kiến tổng mức đầu tư, đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.

i) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về cơ chế, chính sách;
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;
- Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ;
- Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển;
- Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền;
- Giải pháp về hợp tác quốc tế;
- Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;

- Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động;
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

k) Yêu cầu về hồ sơ quy hoạch

Xây dựng báo cáo quy hoạch (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt), bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch:

Đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch.

5. Chi phí lập quy hoạch

- Chi phí lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của Bộ Giao thông vận tải được phê duyệt theo quy định.

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định cụ thể về chi phí lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thời hạn lập quy hoạch: Không quá 12 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

7. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Bộ Giao thông vận tải.
- Cơ quan lập quy hoạch: Do Bộ Giao thông vận tải quyết định.
- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trách nhiệm trong việc tổ chức lập quy hoạch

1. Bộ Giao thông vận tải là cơ quan tổ chức lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có trách nhiệm đảm bảo việc triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan. Trong quá trình lập quy hoạch, tùy theo yêu cầu cần nghiên cứu chuyên sâu, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để phục vụ cho công tác lập quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình lập quy hoạch theo quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi thành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
- TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, CN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng